

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 8 - 2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Quỳnh và ông Lê Kim Trọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1975; ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Th kết hôn ngày 25/6/1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Do nhầm lẫn khi kê khai đăng ký kết hôn nên trong Chứng nhận kết hôn chị có họ tên là Trần Thị Diệu Th, sinh ngày 15/8/1974, thực tế họ tên chị là Trần Thị Th, sinh ngày 09/8/1975. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xô xát, anh chị đã nhiều lần cùng nhau dàn xếp nhưng tình cảm không được cải thiện, từ tháng 02/2020 anh chị sống ly thân, không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Th.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Mạnh Th, sinh ngày 12/5/1992 và cháu Trần Thị Thùy L, sinh ngày 07/02/1998 hiện đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận như chị Th trình bày về quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị Th trình bày, hiện hai cháu đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th. Anh Trần Văn Th mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo yêu cầu của chị Th.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Cho chị Trần Thị Th ly hôn anh Trần Văn Th; chị Th phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn Th, anh Th có nơi cư trú tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th, sinh ngày 09/8/1975 và anh Trần Văn Th, sinh ngày 19/12/1967 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (hiện là Ủy ban nhân dân thị trấn H) vào ngày 25/6/1992 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, xô xát, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Tuy nhiên, tại thời điểm đăng ký kết hôn do có sự nhầm lẫn khi kê khai nên Chứng nhận kết hôn, thể hiện tại mục họ tên vợ: Trần Thị Diệu Th, sinh ngày 15/8/1974. Như vậy, việc kết hôn của chị Th và anh Th là tự nguyện nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Th chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 (Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn). Tại phiên tòa chị Th giữ nguyên quan

điểm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th, anh Th mặc dù mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị Th vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của chị Th. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần cho chị Trần Thị Th ly hôn anh Trần Văn Th là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Th, anh Th xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Mạnh Th, sinh ngày 12/5/1992 và Trần Thị Thùy L, sinh ngày 07/02/1998 hiện đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 11, Điều 51, Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Cho chị Trần Thị Th ly hôn anh Trần Văn Th.

2. Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: AA/2017/8062 ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, chị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

